

Bản án số: 77/2018/DSST

Ngày: 28/11/2018

V/v: “*Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HOÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Hoa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Bình Quyền

2. Bà Đỗ Thị Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Nga - Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai thụ lý vụ án dân sự số: 48/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1965

Địa chỉ: SN 11, S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1972

Anh Lê Trương L, sinh năm 1969

Địa chỉ: thôn M, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị T, anh S; Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2018, Bản tự khai ngày 21/9/2018, Biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa của anh Nguyễn Hữu S thể hiện:

Ngày 02/5/2018 chị Lê Thị T có viết giấy vay tiền của tôi với số tiền 1.230.000.000 (Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng) hẹn đến ngày 20/5/2018 sẽ trả cho

tôi số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), số tiền còn lại chị Tiến sẽ trả hàng tháng cho tôi 50.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn lại, tài sản thế chấp là 01 con tàu đánh cá có số đăng ký là TH-9092-TS mang tên Lê Trương L.

Đối với số tiền vay ở trên vợ chồng chị T bắt đầu vay từ tháng 8/2017 và vay bằng nhiều lần khác nhau. Do chưa trả được cho nên ngày 02/5/2018 khi chị T lên nhà tôi mới yêu cầu viết giấy nhận nợ toàn bộ số tiền đã vay, những lần vay tiền chỉ có mình chị Tiến vay và viết giấy vay chứ anh L không đến nhà tôi lần nào cả. Mục đích vay tiền của vợ chồng chị T, anh L là để mua tàu và sắm lưới đánh bắt cá. Tháng 11/2017 do tàu của vợ chồng chị T bị cháy cho nên chị T vay tiếp tiền của tôi để mua tàu mới. Đến hạn trả nợ vợ chồng anh L, chị T không trả cho tôi, mặc dù rất nhiều lần tôi đòi nợ nhưng vẫn không trả. Tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh L, chị T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền đã vay cho tôi và yêu cầu tính lãi xuất theo ngân hàng nhà nước quy định tính từ thời điểm chót nợ giữa hai bên là ngày 21/5/2018. Nếu anh L, chị T không trả thì yêu cầu giao lại con tàu đã thế chấp cho tôi.

Theo Bản tự khai ngày 21/9/2018; Biên bản ghi lại lời khai ngày 04/10/2018 và lời trình bày tại Biên bản hòa giải của chị Lê Thị T thể hiện:

Tháng 8/2017 do thiếu vốn làm ăn cho nên chúng tôi đã vay của anh Nguyễn Hữu S số tiền 200.000.000 đồng với lãi xuất 3.000đồng/1 triệu/ 1 ngày để mua cá. Hai bên thỏa thuận và tôi vẫn trả lãi đầy đủ hàng tháng, do việc làm ăn thua lỗ chưa có tiền trả cho anh S cho nên tôi vay tiếp 300.000.000 đồng nữa để trả nợ làm nhà, lãi xuất vẫn như trước, đầu tháng 10/2017 tôi vay tiếp 200.000.000 đồng, đến giữa tháng 10/2017 tôi vay 150.000.000 đồng để trả các khoản tiền lãi trong đó có tiền lãi của anh S, đến gần tết tôi vay 100.000.000 đồng để chi tiêu vào dịp tết, sau tết tôi vay tiếp 250.000.000 đồng dùng để đảo sổ vay ngân hàng. Tháng 5/2018 tôi không đủ khả năng trả lãi và đã lên nhà khất nợ anh S số tiền gốc và lãi để tôi trả dần, nhưng anh S không đồng ý mà bắt tôi cộng thêm vào 130.000.000 đồng tiền lãi nữa. Tổng số tiền là 1.330.000.000 đồng.

Ngày 15/8/2018 tôi đem 100.000.000 đồng trả gốc cho anh S, số tiền còn lại là 1.230.000.000 đồng anh S ép tôi phải viết giấy nhận nợ, do sợ nên tôi phải viết giấy. Tôi khẳng định giấy vay tiền mà anh S nộp cho Tòa án là do tôi tự viết và tự ký tên tôi và tôi ký cả tên chồng tôi là Lê Trương L vào giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền tôi có viết thế chấp 01 con tàu cho anh S, nhưng là do anh S ép tôi phải viết thế chấp tàu. Thực tế chiếc tàu đứng tên chồng tôi là Lê Trương L, việc tôi đến nhà anh S vay tiền anh L không biết và cũng không biết việc tôi thế chấp tàu, việc thế chấp không có sự

đồng ý của anh L do đó khoảng tháng 8/2018 vợ chồng tôi đã chuyển nhượng toàn bộ con tàu sang tên anh Lê Trương Th và anh Lê Trương H ở thôn S, xã Tr với giá 2.400.000.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Do đăng ký con tàu đã mất cho nên vợ chồng chúng tôi đã làm thủ tục viết giấy tay chuyển nhượng và đã được công chứng chứng thực.

Việc tôi vay tiền của anh S là thật, vì khi tôi cần tiền thì tôi phải chấp nhận vay với lãi xuất cao. Tôi thống nhất đến thời điểm hiện tại còn nợ anh S tổng số tiền 1.230.000.000 (một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng). Nay anh S kiện yêu cầu tôi trả số tiền đã vay, tôi chấp nhận trả nhưng cho tôi được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), vì điều kiện kinh tế hiện nay của tôi rất khó khăn.

Ngày 15/12/2017 tôi mua con tàu trị giá 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng), sau khi mua về vợ chồng tôi đầu tư tu sửa thêm 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng). Nguồn tiền để vợ chồng mua tàu là do anh em trong nhà cho vay, vợ chồng tiết kiệm và cầm sổ đỏ cho Ngân hàng để vay. Tháng 8/2017 tôi vay của anh S 200.000.000đ để mua cá, tháng 10/2017 vay 300.000.000đ của anh S để trả nợ do làm nhà tôi phải vay của em tôi. Khoảng giữa tháng 10/2017 tôi vay tiếp của anh S 200.000.000đ để buôn bán cá. Do việc buôn bán thua lỗ cho nên tôi vay tiếp của anh S 150.000.000đ về để trả lãi cho các khoản vay trong đó có cả lãi của anh S. Đến dịp trước tết tôi vay hai lần 300.000.000đ để chi tiêu tết và sau tết tôi vay 250.000.000đ để đảo sổ Ngân hàng. Tháng 5/2018 tôi lên nhà anh S để khất nợ số tiền trên thì anh S yêu cầu tôi phải tính số tiền lãi chưa trả trước đó là 130.000.000đ. Tổng số tiền đến thời điểm hiện tại tôi còn nợ anh S là 1.230.000.000đ (một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng). Toàn bộ số tiền tôi đi vay và tự trả nợ, tôi không nói cho anh L biết vì sợ anh ấy suy nghĩ cho đến khi vỡ nợ, mọi người đến đòi nợ nhiều thì chồng con tôi mới biết. Khi tôi viết giấy thế chấp con tàu cho anh S thì con tàu đang hoạt động bình thường nhưng việc tôi viết giấy thế chấp tàu là do anh S đọc và ép tôi phải viết thế chấp tàu, con tàu đứng tên chồng tôi là anh Lê Trương L, anh L không biết việc tôi đã viết thế chấp tàu cho anh S, hiện nay con tàu tôi đã bán cho anh Lê Trương Th và anh Lê Trương H ở thôn S, xã Tr. Đăng ký con tàu đã mất nên vợ chồng chúng tôi đã viết giấy tay chuyển nhượng xong tàu từ khoảng tháng 8/2018.

Tôi thống nhất còn nợ anh S đến thời điểm hiện tại là 1.230.000.000đ, tôi đề nghị anh S cho tôi khất nợ và xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000đ.

Theo Bản tự khai; Biên bản ghi lại lời khai của anh Lê Trương L ngày 04/10/2018 thể hiện:

Vợ chồng tôi mua con tàu vào ngày 15/12/2017, trị giá con tàu là 1.600.000.000đ, nguồn tiền để mua tàu là do anh em họ hàng cho vay và người nhận tiền là vợ tôi. Tôi thường đi biển không có nhà nên vợ tôi vay tiền của ai, vay bao nhiêu tôi không được biết, khi vay được tiền vợ tôi cũng không nói cho tôi biết là số tiền đó của ai, tôi có hỏi nhưng vợ tôi không nói. Việc có vay của Ngân hàng hay không tôi cũng không nhớ là có vay hay không và vay bao nhiêu tiền. Việc vợ tôi vay tiền của anh S là đúng, vợ tôi cũng có nói cho tôi biết số tiền vay, khi vợ tôi không trả được nợ thì anh S đến đòi nợ, vợ chồng tôi đã khát nợ với anh S hàng tháng cho vợ chồng tôi trả 10.000.000đ nhưng anh S không nghe. Nay anh S kiện ra Tòa án yêu cầu vợ chồng tôi trả, tôi đồng ý số tiền vay của vợ tôi đã vay của anh S nhưng do chúng tôi chưa có điều kiện để trả ngay một lúc mà cho vợ chồng chúng tôi khát nợ là trả dần hàng tháng là 10.000.000đ. Giấy vay tiền là do anh S ép vợ tôi viết và ký tên vợ tôi là đúng nhưng anh S lại bắt vợ tôi phải viết tên tôi vào giấy vay tiền là không đúng. Giấy vay tiền này tôi không ký mà do vợ tôi viết tên tôi vào. Con tàu mang tên tôi hiện nay đã trừ nợ cho anh Lê Trương Th và anh Lê Trương H và hiện nay tôi đang đi làm thuê cho các anh ấy trên con tàu mà tôi đã gặt nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hữu S không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:* Trong nội dung giấy nhận nợ ngày 02/5/2018 của chị Lê Thị T thể hiện chị vay của anh S với tổng số tiền 1.230.000.000 (Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng) hẹn đến ngày 20/5/2018 sẽ trả cho anh S số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), số tiền còn lại chị T sẽ trả hàng tháng cho tôi 50.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn lại. Nếu không trả nợ đúng hạn cho anh S thì sẽ giao lại con tàu cho anh S và 01 Đăng ký quyền sở hữu con tàu. Vì vậy nội dung giấy nhận nợ tồn tại hai hợp đồng đó là Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng thế chấp tàu biển.

Đối với Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là hợp pháp và thuộc trường hợp vay có kỳ hạn, có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định được mức thỏa thuận về lãi

xuất được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015; Điều 463 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với hợp đồng thế chấp con tàu là không hợp pháp bởi vì theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền sở hữu và các giao dịch dân sự về đăng ký giao dịch bảo đảm và Nghị định số 83/2010/NĐ - CP của Chính phủ thì thế chấp tàu biển thuộc các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy hợp đồng thế chấp con tàu giữa chị T và anh S bị vô hiệu.

[2]. *Về nội dung*: Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp là tờ giấy nhận nợ do chị T là người viết với số tiền nợ là 1.230.000.000đ (một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn). Tại phiên tòa hôm nay anh S yêu cầu anh L và chị T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày đến hạn (20/5/2018) cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T cho rằng khi vay tiền của anh S chỉ mình chị vay về với mục đích là để trả nợ cho anh em làm nhà, đầu tư buôn cá, chi tiêu trong dịp tết và đảo nợ Ngân hàng, anh L không biết và cũng không liên quan đến việc vay nợ giữa chị và anh S. Chị sẽ có trách nhiệm trả nợ cho anh S nhưng đề nghị được trả dần mỗi tháng là 10.000.000đ. Anh L cũng cho rằng anh không vay tiền của anh S, việc chị T vay khi nào và vay làm gì anh cũng không biết, vì anh thường xuyên đi biển, việc vay tiền của anh em họ hàng để mua tàu cũng do chị T đứng ra nhận ngoài ra vay của ai, bao nhiêu chị T cũng không nói với anh. Việc vợ anh còn nợ anh S 1.230.000.000đ là đúng vì chị T có nói với anh và anh S cũng đã đưa người xuống nhà đòi nợ nhưng vợ chồng anh xin trả dần nhưng anh S không đồng ý. Nay anh S kiện ra Tòa anh vẫn đề nghị anh S cho anh được trả dần hàng tháng, mỗi tháng là 10.000.000đ.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc một mình chị T vay tiền của anh S là đúng sự thật nhưng chị T vay tiền với mục đích là để kinh doanh, trả nợ chung cho gia đình bao gồm anh em, họ hàng và Ngân hàng và chi tiêu vào dịp tết, trong gia đình chị T là người đứng ra thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến kinh doanh cũng như sinh hoạt trong gia đình. Mặc dù anh L không chấp nhận nghĩa vụ trả nợ cho anh S nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau “ nghĩa vụ do vợ hoặc chồng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Vì vậy xác định cả anh L và chị T đều có nghĩa vụ chung và ngang nhau trong việc trả nợ cho anh S số tiền gốc là 1.230.000.000đ và số tiền lãi phát sinh từ ngày đến hạn cho đến ngày xét xử vụ án.

Về lãi xuất: Do hai bên vay có thỏa thuận về lãi xuất nhưng không rõ và không cụ thể nên cần căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi xuất

đối với số tiền gốc là 1.230.000.000đ(một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng). Điều 468 quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi xuất và có tranh chấp về lãi xuất thì lãi xuất được xác định bằng 50% mức lãi xuất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Vì vậy anh L, chị T phải trả cho anh S lãi xuất 10%/năm/ 1.230.000.000đ(một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng) tại thời điểm chốt nợ là ngày 02/5/2018 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án án ngày 28/11/2018 là 5 tháng 26 ngày. Với lãi suất thao quy định 10 % /năm được chia đều cho 12 tháng/ năm tương đương với lãi xuất là 0.8%/ tháng/ 1.230.000.000đ(một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng). Cụ thể 1.230.000.000đ x8% năm x 5 tháng 26 ngày tương đương 9.840.000đ x 5 tháng 26 ngày = 57.728.000đ (năm mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng). Tổng số nợ gốc và lãi anh L, chị T phải trả cho anh S là 1.287.728.000(một tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

[3]. *Về án phí*: Anh L, chị T phải chịu đối với phần yêu cầu của anh S được Tòa án chấp nhận có giá ngạch; Anh S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản1,khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357; Điều 463 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015
- Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014
- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu S.

Buộc anh Lê Trương L và chị Lê Thị T phải trả cho anh Nguyễn Hữu S số tiền cả gốc và lãi là 1.287.728.000(một tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Nghĩa vụ trả nợ theo phần:

- Anh Lê Trương L phải có trách nhiệm trả cho anh S số tiền là 643.864.000đ (sáu trăm bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn đồng).
- Chị Lê Thị T phải có trách nhiệm trả cho anh S số tiền là 643.864.000đ (sáu trăm bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Kể từ ngày anh S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng chị T và anh L còn phải chịu lãi theo mức lãi xuất 10% năm tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 25.315.000đ án phí dân sự có giá ngạch; Anh Lê Trương L phải chịu 25.315.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Nguyễn Hữu S không phải chịu án phí dân sự, số tiền 24.000.000đ tiền tạm ứng án phí lệ phí theo biên lai thu tiền số 4388 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa được trả lại cho anh Nguyễn Hữu S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Anh S, chị T đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND t. Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lường Thị Hoa